

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4022 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 18825/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 934/TTr-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

1. Mầm non Sao Mai (địa chỉ: Tổ 21 khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 02 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 7.420.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (01 trẻ em) với

kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng. Tổng số kinh phí hỗ trợ là 8.420.000 đồng (tám triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Đầu tư Hoàng Linh Anh (địa chỉ: M22, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 01 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày) với kinh phí hỗ trợ là 1.855.000 đồng (một triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn).

3. Công ty cổ phần xây lắp Sonacons (địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 29 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 107.590.000 đồng, trong đó có 05 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (06 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 113.590.000 đồng (một trăm mười ba triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).

4. Công ty TNHH MTV Phú Bình Gia (địa chỉ: Số 90A, khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 56 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động (cụ thể: 01 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày) với kinh phí hỗ trợ là 1.855.000 đồng và 55 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 204.050.000 đồng). Tổng kinh phí hỗ trợ là 205.905.000 đồng (hai trăm linh năm triệu, chín trăm linh năm ngàn đồng chẵn).

5. Công ty cổ phần may Định Quán (địa chỉ: Km 116, QL 20, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai) gồm 131 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động (cụ thể: 120 người lao động tạm hoãn hợp đồng từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày) với kinh phí hỗ trợ là 222.600.000 đồng và 11 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 40.810.000 đồng), trong đó có 03 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng và 57 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (64 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 64.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 330.410.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu, bốn trăm mười ngàn đồng chẵn).

6. Công ty TNHH Pallet Gỗ Mai Hoa (địa chỉ: Số 109A/10, khu phố 9, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 06 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 22.260.000 đồng, trong đó có 03 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (04 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 26.260.000 đồng (hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

7. Công ty TNHH MTV SXTM cơ khí Đại Toàn Thịnh (địa chỉ: Số 32, đường Đình Quang Ân, tổ 4, khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 08 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 29.680.000 đồng (hai mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).



8. Công ty TNHH Nam Thái Nguyễn (địa chỉ: Số 462A Đinh Quang Ân, khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 06 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 22.260.000 đồng, trong đó có 03 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (05 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 27.260.000 đồng (hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

9. Công ty TNHH An Đông Vi Na (địa chỉ: J41, KDC Bửu Long, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 10 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 37.100.000 đồng, trong đó có 05 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (05 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 42.100.000 đồng (bốn mươi hai triệu, một trăm ngàn đồng chẵn).

10. Công ty TNHH MTV Đầu tư vận tải Phi Long (địa chỉ: Số 93/47/2C, khu phố 8, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 01 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 3.710.000 đồng và đang nuôi con dưới 06 tuổi (02 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 5.710.000 đồng (năm triệu, bảy trăm mười ngàn đồng chẵn).

11. Công ty TNHH Cơ khí và Dịch vụ Lý Hiếu Nghĩa (địa chỉ: Số 408 Đinh Quang Ân, tổ 3, khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 09 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 33.390.000 đồng, trong đó có 04 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (06 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 39.390.000 đồng (ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).

12. Hợp tác xã sản xuất TMDV Hoàng Tuyển (địa chỉ: Số 18 tổ 1, khu phố 4, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 05 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 18.550.000 đồng (mười tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

13. Công ty TNHH sản xuất TMDV Tú Cường (địa chỉ: Số 9/71, khu phố 11, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 01 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 3.710.000 đồng (ba triệu, bảy trăm mười ngàn đồng chẵn).

14. Công ty TNHH Gi Wang Việt Nam (địa chỉ: Đường số 6, KCN Tam Phước, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 15 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 55.650.000 đồng (năm mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

15. Văn phòng công chứng Lê Tâm (địa chỉ: Số 1, đường Lê Quý Đôn, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 07 người lao động



thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 25.970.000 đồng, trong đó có 02 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (02 trẻ em) với kinh phí là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 27.970.000 đồng (hai mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

16. Công ty TNHH TMDV Trang Kim Ngân (địa chỉ: Số 5F, cư xá Bê Tông, khu phố 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) gồm 06 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 22.260.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng và 01 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (01 trẻ em) với kinh phí là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 24.260.000 đồng (hai mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng
Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC

KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA MÀM NON SAO MAI

(Đính kèm theo Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Phạm Thị Hải	GV LỚP nhà trẻ	Xác định thời hạn	01/06/2020	3420980868	01/05/2021	01/05/2021	31/05/2021	3.710.000	Phạm Thị Hải	102871599975	vietinbank	040190000321
2	Nguyễn Thị Huyền	GV LỚP Chồi	Xác định thời hạn	01/09/2018	7515101860	01/05/2021	01/05/2021	31/05/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Huyền	67910000286287	BIDV	272794728
Cộng: 02 người lao động									7.420.000				
II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi													

TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Huyền	2	Nguyễn Anh Quốc Khánh	03/12/2019	Nguyễn Văn Mạnh	272876571	1.000.000	Nguyễn Thị Huyền	67910000286287	BIDV	272794728
	Cộng: 01 trẻ em						1.000.000				
	TỔNG CỘNG						8.420.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 8.420.000 đồng
(Tám triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

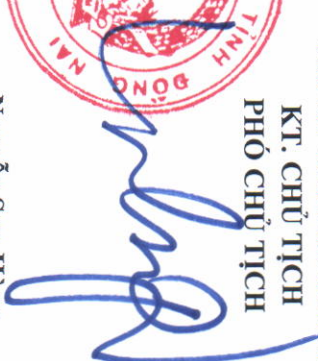
DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HOÀNG LINH ANH

(Đính kèm theo Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoàn HDLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Nguyễn Văn Mỹ	Kế toán	Dài hạn	01/07/2021	8023039078	16/08/2021	16/08/2021	15/09/2021	1.855.000	Nguyễn Văn Mỹ	121000895853	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	301525024
Cộng: 01 người lao động									1.855.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 1.855.000 đồng
(Một triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**
(Đính kèm theo Quyết định số **4022** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Phạm Đình Nghĩa	Đội thi công số 1	Không xác định thời hạn	12/09/2018	7516152286	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Đình Nghĩa	67210000648000	Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam	187322265
2	Hoàng Văn Bằng	Đội thi công số 1	Không xác định thời hạn	16/03/2018	4702024877	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Hoàng Văn Bằng	61610000150310	Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam	151409949
3	Trần Xuân Triều	Đội thi công số 1	Không xác định thời hạn	16/3/2018	0207021505	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Xuân Triều	1016000569	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	272647313

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngiht không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
4	Nguyễn Văn Coat	Đội thi công số 1	Không xác định thời hạn	01/04/2018	7513057829	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Coat	67210001111091	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	371481676
5	Trần Văn Đoàn	Đội thi công số 1	Không xác định thời hạn	01/10/2019	7523265995	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Văn Đoàn	61610000150301	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	272507592
6	Thạch Nền	Đội thi công số 1	Không xác định thời hạn	01/07/2020	8422061319	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Thạch Nền	6603205408770	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	334497509
7	Thạch Tới	Đội thi công số 1	Không xác định thời hạn	01/07/2020	8421994172	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				334623339
8	Vì Văn Bá	Đội thi công số 1	Có thời hạn	01/04/2021	4016301825	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				186709015
9	Phạm Vàng Hiệp	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	22/12/2012	7511155157	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Vàng Hiệp	67010001244054	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	264320091
10	Nguyễn Văn Ngân	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4704015725	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				270856703



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
11	Lê Văn Bằng	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4704015688	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272463386
12	Vũ Văn Kiên	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4704015720	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				111438679
13	Vũ Thị Kim Thủy	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4705000167	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272230931
14	Phan Ngọc Quý	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4707096398	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272107645
15	Vũ Đình Thế	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4707096399	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				160681723
16	Nguyễn Thị Tuyết	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4704015746	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				161457160
17	Tạ Hữu Thuận	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4705000158	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				270359002
18	Lê Duy Phú	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	02/01/2010	4705000163	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Duy Phú	1702205245060	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	173532742
19	Mai Văn Năm	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	01/01/2014	7509043783	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				161951532

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
20	Quách Văn Trúc	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	01/01/2014	7509043784	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				172947687
21	Trần Văn Mạnh	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	01/01/2014	7509043785	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				145136168
22	Nguyễn Văn Hùng	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	01/01/2014	7509043780	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				162324503
23	Lê Văn Đình	Đội thi công số 4	Không xác định thời hạn	01/01/2014	7509043781	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272735644
24	Trần Văn Bình	Đội thi công số 7	Không xác định thời hạn	01/01/2014	7509043786	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Văn Bình	5990205888979	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Bắc Đồng Nai	211774228
25	Đặng Văn Long	Đội thi công số 7	Không xác định thời hạn	01/07/2019	7516196707	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				183697288
26	Phạm Văn Nam	Đội thi công số 7	Không xác định thời hạn	01/04/2020	4221360635	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				183994686
27	Trần Văn Khải	Đội Cơ điện	Không xác định thời hạn	15/03/2013	7511158112	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Văn Khải	0481000689697	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	271590316

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
28	Nguyễn Ngọc Thanh Linh	Đội Cơ điện	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7515108164	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Thanh Linh	0121000757268	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	272244307
29	Trần Đức Tài	Đội Cơ điện	Không xác định thời hạn	01/04/2021	7516196708	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Đức Tài	4567789797979	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - CN Long Khánh	272443255
Cộng: 29 người lao động									107.590.000				
II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi													
TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMND/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân		
1	Nguyễn Mạnh Hà	1	Nguyễn Trần Hành Đan	20/04/2019	Trần Thị Hạnh	272715396	1.000.000	Phạm Đình Nghĩa	67210000648000	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	187322265		
2	Vi Văn Bá	8	Vi Thị Thảo Vy	16/04/2020	Vi Thị Nhân	187216347	1.000.000				186709015		
			Vi Thị Quỳnh Phương	04/8/2017			1.000.000						

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
3	Hoàng Văn Bằng	2	Hoàng Minh Trí		07/12/2018	Nguyễn Vũ Hoàng			1.000.000	Hoàng Văn Bằng	61610000150310	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	151409949
4	Trần Văn Bình	24	Trần Trung Quân		11/02/2016	Nguyễn Thị Kim Chấn		211780116	1.000.000	Trần Văn Bình	5990205888979	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Bắc Đồng Nai	211774228
5	Đặng Văn Long	25	Đặng Trần Khánh Quỳnh		17/08/2019	Trần Thị Kiều		215216111	1.000.000				183697288
	Cộng: 06 trẻ em								6.000.000				
									113.590.000				

TỔNG CỘNG

Tổng số tiền hỗ trợ: 113.590.000 đồng
(Một trăm mười ba triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHÚ BÌNH GIA**
(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/hệ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Đoàn Quang Hưng	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/06/2011	7511162537	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Đoàn Quang Hưng	7260100679008	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271379885
2	Trần Thị Bình	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/10/2010	7510191674	29/07/2021	29/07/2021	23/09/2021	3.710.000	Trần Thị Bình	7200137193005	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271041648
3	Đặng Bá Khang	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/07/2013	7513156213	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Đặng Bá Khang	0109024170	ĐÔNG Á - Ngân hàng TMCP Đông Á	197105813
4	Nguyễn Thị Nhung	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/10/2010	7510191692	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nhung	7260100571002	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272110414

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
5	Phạm Văn Bảo	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/06/2011	7511161460	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Bảo	7260100581008	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	371011441
6	Võ Thị Ngọc Liên	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/07/2011	7511162520	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Võ Thị Ngọc Liên	7260100544005	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271164983
7	Nguyễn Thị Dân	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/06/2011	7511162518	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Dân	7260100573005	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271818887
8	Nguyễn Văn Khánh	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/06/2011	7511162534	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Khánh	7260100539001	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272054811
9	Võ Thị Liễu	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/03/2014	7514151552	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Võ Thị Liễu	7260100568001	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272459208
10	Nguyễn Văn Nam	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/09/2014	7513058051	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nam	7260100597001	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	186811727
11	Hồ Thị Kim Yến	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515103257	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Hồ Thị Kim Yến	7260100576004	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	270881719

10/10/2021

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
12	Ngô Thị Loan Chi	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/09/2015	7515111775	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Loan Chi	7260100548008	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271900959
13	Ngô Văn Phùng	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/12/2015	7515152959	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Phùng	7260100594002	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	260611652
14	Nguyễn Thị Khuyến	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/04/2016	7516093874	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Khuyến	7260100575008	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	260496508
15	Trần Thị Quỳnh Dung	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/04/2016	7516093875	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Trần Thị Quỳnh Dung	7260100591003	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272100804
16	Nguyễn Hoàng Cảnh	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516143284	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000				260611556
17	Trần Thị Kim Lang	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/01/2017	7516169997	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Trần Thị Kim Lang	7260100599004	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272585608
18	Hà Quang Toàn	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/01/2017	7516169998	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Hà Quang Toàn	7260100559002	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	173544422

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
19	Nguyễn Văn Dũng	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/04/2017	7516193339	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Dũng	7260100555007	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271651143
20	Hoàng Văn Ân	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/09/2017	7514154659	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Hoàng Văn Ân	7260100596005	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272509738
21	Nguyễn Thị Nga	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/09/2017	7526114087	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nga	7260100602005	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271134559
22	Nguyễn Thị Bích	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/11/2017	7525728284	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bích	7260100556003	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	270841847
23	Đặng Thị Mai	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/12/2017	7525686071	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Mai	7260100587006	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271425130
24	Nguyễn Thị Giang	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	11/12/2017	7526370606	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Giang	7260100588002	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	173542477
25	Dương Thị Nguyệt	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/02/2018	8723806557	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Dương Thị Nguyệt	7260100547004	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	341439672

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDL/D	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDL/D/nghỉ không hưởng		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
26	Lê Thị Xin	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/02/2018	7525748081	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Lê Thị Xin	7260100600002	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	271238367
27	Nguyễn Thị Nga	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/04/2018	7525617000	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nga	7260100590007	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	272171791
28	Nguyễn Phương Trang	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/06/2018	8925397390	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Phương Trang	7260100543009	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	351060166
29	Nguyễn Thị Kim Cương	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7526316062	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Cương	7260100569008	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	271108132
30	Phạm Văn Khánh	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/08/2018	7508210700	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Khánh	7260100579003	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	260490565
31	Phan Thị Mai	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/08/2018	6021004632	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phan Thị Mai	7260100578007	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	261501441
32	Ngô Thị Thủy	Phủ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/10/2012	7512178517	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Thủy	7260100542002	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	272134672

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
33	Văn Thị Soa	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	11/09/2018	4026144377	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Văn Thị Soa	7260100557007	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	186571046
34	Nguyễn Văn Cường	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/12/2018	6021009386	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Cường	7260100566009	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	261177876
35	Hoàng Thị Chiên	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	11/02/2019	7525635450	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Hoàng Thị Chiên	72601005560008	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271998901
36	Trương Thị Huệ	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/05/2019	7525700328	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Trương Thị Huệ	7260100553004	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272708172
37	Lê Thị Lịch	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	06/07/2017	7516200594	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Lê Thị Lịch	7260100572009	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	271108083
38	Trương Văn Quyết	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/08/2019	7410309098	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Trương Văn Quyết	7260100540007	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	194465280
39	Hoàng Thị Tùng	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/09/2015	7515111774	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Hoàng Thị Tùng	7260100582004	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272777474



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
40	Phan Thị Thủy	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/03/2020	7526370803	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phan Thị Thủy	7260101241006	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	270790404
41	Nguyễn Kim Đào	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/03/2020	7509040167	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Đào	7260101354005	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	261509433
42	Lý Thị Kim Hoa	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/04/2020	7525564820	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Lý Thị Kim Hoa	7260101253004	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	271329031
43	Đinh Thị Màu	Phụ bình gia - xuân lộc	Không xác định thời hạn	01/11/2017	7526497127	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Màu	7240113250007	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	270842053
44	Phạm Thị Minh	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	01/10/2010	7510191684	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Minh	7260100601009	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	272275074
45	Phan Thị Kim Yến	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	30/09/2021	7422471288	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phan Thị Kim Yến	0010130300702	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	271107204
46	Hoàng Văn Lố	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	12/10/2021	6021101779	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Hoàng Văn Lố	4700156053916	MB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	261143244

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
47	Trần Thị Kim Yến	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	28/03/2021	7523950847	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Trần Thị Kim Yến	0121002872938	VCB - Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	261150338
48	Phạm Văn Học	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	28/03/2021	7508147285	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Học	0601201928888	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	270827715
49	Đinh Thị Quyên	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	28/03/2021	7525596134	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Quyên	7260100550005	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272691863
50	Nguyễn Hữu Tài	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	29/06/2021	7525612684	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Tài	0563567347777	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	270840930
51	Võ Thị Đợi	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	01/02/2014	7514150888	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Võ Thị Đợi	7260100563007	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272198069
52	Phạm Thị Dung	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	01/09/2014	7514159295	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Dung	7260100554008	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272157975
53	Nguyễn Thị Chi	Phụ bình gia - xuân lộc	Xác định thời hạn 12 tháng	01/07/2013	7513156221	07/08/2021	07/08/2021	23/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Chi	7260100678001	MB - Ngân hàng TMCP Quan Doi	272171228

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
54	Nguyễn Thị Hoa	Công ty TNHH Consumer Electronic Việt Nam	Xác định thời hạn 12 tháng	01/03/2021	6623634111	01/08/2021	01/08/2021	25/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hoa	5590206589202	AGRIBANK - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	241294118
55	Trần Thị Liên	Công ty TNHH Consumer Electronic Việt Nam	Xác định thời hạn 12 tháng	01/03/2021	6624450897	01/08/2021	01/08/2021	25/09/2021	3.710.000	Trần Thị Liên	5229205235119	AGRIBANK - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	241795891
56	Hoàng Thị Thắm	Công ty TNHH Consumer Electronic Việt Nam	Xác định thời hạn 12 tháng	01/02/2021	9423179990	09/09/2021	09/09/2021	25/09/2021	1.855.000	Hoàng Thị Thắm	65110002456756	BIDV - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	365096184
Cộng: 56 người lao động									205.905.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 205.905.000 đồng
(Hai trăm lẻ năm triệu, chín trăm lẻ năm ngàn đồng chẵn)



TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
 TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
 KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MAY ĐỊNH QUẦN
 (Đính kèm theo Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Nguyễn Kim Cẩn	Công nhân	KXDTH	01/01/2016	0202146599	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271270038
2	Phan Thị Hằng	Công nhân	XDTH	01/06/2021	0204367182	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272572316
3	Nguyễn Thị Giang	Công nhân	KXDTH	01/08/2007	4703004780	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271530726
4	Trương Thị Hiếu	Công nhân	KXDTH	01/09/2013	4704032464	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272211763
5	Đỗ Thị Hương	Công nhân	KXDTH	17/10/2010	4704056899	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271132865
6	Lã Thị Huy Bình	Công nhân	KXDTH	01/11/2006	4707045864	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271709816
7	Nguyễn Thị Thanh	Công nhân	KXDTH	01/11/2019	4707140232	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272024028
8	Trần Thị Mai Linh	Công nhân	XDTH	01/11/2020	4707149597	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				365833296
9	Mai Bạch Yến	Công nhân	KXDTH	01/08/2007	4707174302	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271462719

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
10	Hà Thị Yến Nhi	Công nhân	KXDTH	01/08/2007	4707174321	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271778381
11	Nguyễn Thị Ngân	Công nhân	KXDTH	01/12/2013	4707174337	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271846290
12	Trương Khắc Luyện	Công nhân	KXDTH	05/08/2007	4707174438	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271778682
13	Nguyễn Thị Lan	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4707174442	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272260370
14	Chường A Kiều	Công nhân	KXDTH	01/12/2013	4708004364	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271580708
15	Phạm Thị Thu Tuyết	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4708004390	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271931566
16	Võ Văn Cường	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4708004405	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271393681
17	Nguyễn Thị Nhung	Công nhân	KXDTH	01/08/2007	4708004408	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				270996504
18	Huỳnh Thị Kim Lệ	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4708004424	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271927603
19	Hoàng Thị Thạo	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4708004431	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271934290
20	Phạm Thị Xuyên	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4708004474	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272094238
21	Trần Thị Trang	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4708004530	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271275195
22	Nguyễn Thị Tuyết Linh	Công nhân	KXDTH	22/09/2008	4708004600	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271644021
23	Đinh Thị Mai	Công nhân	KXDTH	01/09/2013	4708004649	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272025550
24	Phan Thị Kim Phượng	Công nhân	XĐTH	01/03/2020	4799132077	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271354865
25	Cầm Thị Hoa	Công nhân	KXDTH	11/07/2017	7409092415	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				276067544



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
26	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Công nhân	KXDTTH	01/08/2016	7413114713	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271847259
27	Trần Thị Quy	Công nhân	KXDTTH	01/01/2019	7415098456	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				276124858
28	Mai Thị Hương Quế	Công nhân	KXDTTH	01/08/2007	7508017396	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271894676
29	Trần Thị Thu Hà	Công nhân	KXDTTH	01/07/2007	7508072422	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272431079
30	Nguyễn Đình Anh	Công nhân	XDTH	01/08/2020	7508077030	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271722348
31	Ngô Thị Mỹ Dung	Công nhân	KXDTTH	03/05/2008	7508095651	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271523943
32	Kiều Thị Lập	Công nhân	KXDTTH	01/09/2019	7508148720	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271888502
33	Huỳnh Tam Mười	Công nhân	KXDTTH	22/11/2007	7508197511	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				270996977
34	Trần Thị Cẩm Tuyền	Công nhân	KXDTTH	01/10/2008	7508229907	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272526380
35	Trần Thị Yến Phượng	Công nhân	KXDTTH	13/10/2008	7508229924	14/08/2021	14/08/2021	15/09/2021	3.710.000				271254711
36	Lê Thị Cẩm Hồng	Công nhân	KXDTTH	01/11/2015	7509015814	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272589450
37	Dương Thị Hồng	Công nhân	XDTH	01/06/2020	7908060409	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				164381203
38	Mai Thị Nga	Công nhân	KXDTTH	12/05/2011	7511049383	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				173213981
39	Quế Thị Thảo	Công nhân	KXDTTH	01/06/2015	7911115679	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				186383778
40	Nguyễn Thị Hằng	Công nhân	KXDTTH	01/10/2018	7515029097	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				191959290
41	Lê Thị Ánh Tuyết	Công nhân	KXDTTH	01/04/2018	7526683963	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				251166446

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
42	Nguyễn Tấn Vinh	Công nhân	KXDTH	01/01/2018	7526671334	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				270975284
43	Ká Lợi	Công nhân	KXDTH	15/05/2009	7509122632	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271187540
44	Chương Thị Ngọc Hà	Công nhân	KXDTH	01/03/2012	7512011623	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271270113
45	Huỳnh Thị Đào	Công nhân	KXDTH	01/08/2013	7513050042	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271275940
46	Nguyễn Thị Hoàng Mai	Công nhân	KXDTH	01/08/2019	7509038174	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271283780
47	Trần Thị Hồng Lam	Công nhân	KXDTH	01/11/2011	7511121725	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271371004
48	Phùng Ngọc Phương	Công nhân	XĐTH	01/06/2021	7524677761	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271525420
49	Nguyễn Thị Thu Thảo	Công nhân	KXDTH	01/12/2012	7512080291	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271579073
50	Hà Thị Thủy Hằng	Công nhân	XĐTH	01/07/2021	9103078733	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271639688
51	Hồ Thị Thủy	Công nhân	KXDTH	01/12/2013	7512029615	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271644888
52	Võ Thị Phương Dung	Công nhân	KXDTH	01/06/2019	7524475400	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271679515
53	Đặng Thị Lệ Hằng	Công nhân	KXDTH	01/08/2007	4707174303	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271690835
54	Đỗ Thị Kim Phụng	Công nhân	KXDTH	01/06/2013	7513034909	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271710529
55	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Công nhân	KXDTH	22/01/2009	7509022451	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271722198
56	Hồ Thị Hoài	Công nhân	KXDTH	01/12/2015	7509090454	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271722240
57	Nguyễn Thị Phương	Công nhân	KXDTH	01/01/1900	7908235774	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271778829



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
58	Phan Thị Yến	Công nhân	KXDTH	01/06/2011	7510041461	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271846353
59	Trương Thị Ngọc Hạnh	Công nhân	KXDTH	01/10/2017	7511031644	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271852516
60	Nguyễn Thị Bích Phương	Công nhân	KXDTH	01/11/2015	7515065911	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271915806
61	Lê Thanh Tuấn	Công nhân	KXDTH	01/11/2013	7513070367	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271916077
62	Vô Chi Hữu	Công nhân	XDTH	01/01/2020	7524656310	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271928729
63	Lê Thị Hồng Thắm	Công nhân	KXDTH	01/11/2017	7524630481	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271930389
64	Lê Văn Nghi	Công nhân	KXDTH	01/01/2018	7524628159	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271930430
65	Ngô Quang Trí	Công nhân	XDTH	01/06/2021	7515039064	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271984228
66	Lê Thị Hồng Mai	Công nhân	KXDTH	01/01/2012	7512004318	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271984575
67	Phạm Thị Hà Tiên	Công nhân	XDTH	01/12/2020	7510024956	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272004011
68	Đoàn Thị Cẩm Hương	Công nhân	KXDTH	15/03/2011	7511016222	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272010837
69	Lê Anh Tiên	Công nhân	KXDTH	01/10/2018	7511063292	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272013097
70	Ngô Thị Tú Loan	Công nhân	KXDTH	01/01/2019	7524493832	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272025290
71	Vô Quốc Bảo	Công nhân	KXDTH	01/08/2016	7510129300	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272068311
72	Bùi Thanh Ngọc	Công nhân	KXDTH	01/09/2016	7516045007	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272068520
73	Trần Thị Dung	Công nhân	KXDTH	01/09/2015	7911487943	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272068748

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
74	Vòng Gia Long	Công nhân	KXĐTH	01/12/2011	7511132158	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272111192
75	Nguyễn Thị Thu Thảo	Công nhân	KXĐTH	01/01/2018	7511098044	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272149945
76	Chu Thị Quỳnh	Công nhân	KXĐTH	01/10/2019	7515102008	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272151289
77	Nguyễn Thị Xuân	Công nhân	KXĐTH	01/06/2018	7512029621	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272173472
78	Huỳnh Thị Trọn	Công nhân	KXĐTH	17/07/2010	7510129271	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272200353
79	Trần Thị Kim Yến	Công nhân	XĐTH	01/06/2021	7513049016	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272212960
80	Bùi Thị Kim Kiều	Công nhân	KXĐTH	01/08/2014	7512039983	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272234466
81	Tiêu Phi Hồ	Công nhân	KXĐTH	01/09/2018	7524611547	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272243882
82	Bùi Trúc	Công nhân	KXĐTH	01/10/2014	7514060524	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272290900
83	Mai Thành Đạt	Công nhân	KXĐTH	01/07/2015	7914025942	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272304511
84	Lê Thị Sáu	Công nhân	KXĐTH	01/08/2011	7511091567	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272304638
85	Thân Thị Thủy Kiều	Công nhân	KXĐTH	01/10/2018	7513018864	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272305300
86	Nguyễn Thị Thủy	Công nhân	KXĐTH	16/02/2011	7511016216	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272328172
87	Vũ Thị Bích	Công nhân	KXĐTH	01/11/2011	7511121735	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272382285
88	Phan Thị Liên	Công nhân	KXĐTH	11/05/2017	7510172272	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272402431
89	Đoàn Minh Đạt	Công nhân	KXĐTH	01/06/2015	7515029089	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272403462



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tâm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/hệ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
90	Lê Thị Diễm Thúy	Công nhân	KXDTH	01/03/2019	7514030688	14/08/2021	14/08/2021	15/09/2021	3.710.000				272404872
91	Trần Thị Yên	Công nhân	KXDTH	01/09/2015	7515051235	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272447512
92	Hoàng Nhật Phong	Công nhân	XĐTH	01/10/2020	7524662368	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272452772
93	Trần Thị Việt Trinh	Công nhân	KXDTH	01/01/2018	7524611871	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272473884
94	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Công nhân	KXDTH	01/10/2014	7514060525	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272482355
95	Nguyễn Thanh Tuấn	Công nhân	KXDTH	01/08/2015	7515045751	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272482529
96	Lê Anh Tú	Công nhân	XĐTH	01/10/2020	7916596705	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272482537
97	Tăng Cẩm Phụng	Công nhân	KXDTH	01/09/2017	7526215948	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272482974
98	Trần Hồng Duy	Công nhân	KXDTH	01/09/2015	7515051242	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272502149
99	Sơn Thị Tuyết Ngân	Công nhân	KXDTH	01/09/2013	7513055584	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272517092
100	Hiệp Minh Tuyền	Công nhân	KXDTH	01/12/2018	7524259616	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272524824
101	Lê Thị Thanh Thảo	Công nhân	XĐTH	01/05/2020	7514038859	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272526537
102	Nguyễn Thị Huyền	Công nhân	XĐTH	01/07/2020	7516085289	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272574063
103	Lê Thị Hồng Liên	Công nhân	KXDTH	01/12/2014	7514073537	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272633753
104	Chu Thị Hồng Đào	Công nhân	KXDTH	01/05/2014	7514024883	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272658260
105	Phạm Thị Nga	Công nhân	KXDTH	11/06/2017	7516089982	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272658519

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
106	Đinh Thị Mến	Công nhân	KXDTH	07/09/2011	7511097989	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272743349
107	Nguyễn Thị Thanh	Công nhân	KXDTH	01/01/2019	7524509558	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272743814
108	Vòng Ngọc Yến	Công nhân	KXDTH	01/08/2016	7514038860	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272792378
109	Phan Thị Mỹ	Công nhân	KXDTH	01/06/2013	7513034900	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272865070
110	Nguyễn Thị Hằng	Công nhân	XĐTH	01/07/2020	7525534246	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272867159
111	Bùi Diễm My	Công nhân	KXDTH	06/08/2010	7908209902	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272904675
112	Đặng Thị Loan	Công nhân	KXDTH	01/10/2018	7526810015	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272935398
113	Nguyễn Thị Tất	Công nhân	KXDTH	01/05/2014	7514024880	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				273628249
114	Dương Thị Lệ Thắm	Công nhân	KXDTH	01/06/2015	7515029088	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				276005066
115	Nguyễn Minh Quốc	Công nhân	KXDTH	01/06/2015	7510201352	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				276124025
116	Nguyễn Thị Hoài	Công nhân	KXDTH	01/06/2013	7513034922	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				280872391
117	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Công nhân	KXDTH	01/12/2019	7526845524	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				371968223
118	Lý Thị Cẩm Thị	Công nhân	XĐTH	01/06/2021	7938946128	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				079191001565
119	Nguyễn Hoàng Thái Thanh	Công nhân	XĐTH	01/07/2021	7516045138	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				194612235
120	Bùi Thị Thắm	Công nhân	XĐTH	01/07/2021	7524663643	14/08/2021	14/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272784658
121	Lê Thành Minh	Công nhân	XĐTH	01/09/2020	7911116839	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272173276

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
122	Trần Thị Lành	Công nhân	KXDTH	12/06/2019	7525983978	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272734067
123	Trần Thị Huỳnh	Công nhân	KXDTH	01/07/2007	4708004522	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				270796772
124	Vũ Tuyết Nga	Công nhân	KXDTH	01/12/2019	6822331474	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				250948499
125	Châu Hữu Văn	Công nhân	KXDTH	01/03/2012	7512011629	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271270005
126	Phạm Thị Ngọc Lý	Công nhân	KXDTH	01/09/2007	4707174407	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271674900
127	Huỳnh Thị Ngọc	Công nhân	KXDTH	08/01/2010	4708004351	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				271780790
128	Dương Thị Yến Phương	Công nhân	XDTH	01/06/2021	7513006519	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272059736
129	Nông Thị Lan	Công nhân	KXDTH	20/08/2011	7511097983	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272060862
130	Trần Thị Kim Thoa	Công nhân	KXDTH	27/05/2011	7511063299	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272160650
131	Trần Thị Nhân	Công nhân	KXDTH	27/05/2011	7511063299	14/08/2021	14/08/2021	31/08/2021	1.855.000				272160650
Cộng: 131 người lao động									263.410.000				
III. Hỗ trợ người lao động đang mang thai													
TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân						
				Tên TK	Số TK	Ngân hàng							
1	Trần Thị Hồng Lam	47	1.000.000				271371004						

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
2	Trần Thị Yến						91		1.000.000				272447512
3	Trần Thị Huỳnh						123		1.000.000				270796772
Cộng: 03 người lao động													
III. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi													
TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân		
1	Lã Thị Huy Bình	6	Huỳnh Tấn Khang	27/6/2019	Huỳnh Văn Sự	272013818	1.000.000				271709816		
			Huỳnh Thị Kiều An	18/10/2015			1.000.000						
2	Vũ Thị Bích	87	Nguyễn Thư	26/3/2019	Nguyễn Văn Thắng	272375263	1.000.000				272382285		
3	Phan Thị Yến	58	Trần Phan Yến Nhi	18/9/2016	Trần Văn Lộc	271782660	1.000.000				271846353		
5	Trần Thị Dung	73	Trần Đình Ngọc	03/6/2020	Trần Quyết Chiến	250733165	1.000.000				272068748		
6	Nguyễn Thị Phương	57	Nguyễn Hoàng Phúc	06/02/2017	Nguyễn Duy Cường	230616500	1.000.000				271778829		
7	Bùi Thị Kim Kiều	80	Trương Hoàng Trí Nhân	08/10/2020	Trương Văn Chay	271931248	1.000.000				272234466		
			Trương Hoàng Hữu Thiện	27/10/2016			1.000.000						
8	Lê Anh Tiên	69	Lê Nguyễn Băng Di	03/10/2018	Nguyễn Thị Thùy Dung	272173082	1.000.000				272013097		
9	Kiều Thị Lập	32	Nguyễn Thanh Hằng	26/01/2018	Nguyễn Trung Thành	271639701	1.000.000				271888502		



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
10	Nguyễn Đình Anh	30	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	04/01/2016		Hoàng Thị Hồng	272822278	1.000.000					271722348
11	Hà Thị Yến Nhi	10	Nguyễn Ngọc Kim Tiên	16/12/2020		Nguyễn Văn Thái	271807945	1.000.000					271778381
12	Hà Thị Yến Nhi	10	Nguyễn Ngọc Gia Hân	20/9/2018		Nguyễn Văn Thái	271807945	1.000.000					271778381
13	Nguyễn Thị Xuân	77	Trần Nguyễn Thùy Dương	05/03/2016		Trần Anh Duy	271965701	1.000.000					272173472
14	Dương Thị Hồng	37	Lê Quỳnh Anh	26/11/2016		Lê Thanh Tuyên	271579678	1.000.000					164381203
15	Chu Thị Quỳnh	76	Dương Quốc Việt	17/12/2016		Dương Văn Nguyên	271888809	1.000.000					272151289
16	Nguyễn Thị Thanh	7	Nguyễn Ngọc Hồng Ân	15/6/2018	Nguyễn Văn Thiết		272024028	1.000.000					272024028
			Nguyễn Ngọc Thiên Bảo	31/10/2020				1.000.000					
			Nguyễn Ngọc Thiên An	31/10/2020				1.000.000					
17	Lê Anh Tú	96	Lê Hoài An	13/6/2019		Đào Thị Hội	276124855	1.000.000					272482537
18	Vô Văn Cường	16	Vô Quỳnh Trâm	29/3/2017		Lê Quang Hằng	272484952	1.000.000					271393681
19	Đoàn Thị Cẩm Hương	68	Nguyễn Đoàn Gia Hân	21/01/2019		Nguyễn Quốc Vương	271930571	1.000.000					272010837
20	Nguyễn Thị Hoài	116	Lại Thanh Thảo	19/6/2018		Lại Ngọc Thịnh	271829784	1.000.000					276124025
21	Nguyễn Thị Bích Phương	60	Vô Gia Hân	01/4/2017		Vô Quốc Cường	271915806	1.000.000					271915806
22	Hoàng Nhật Phong	92	Hoàng Nhật Anh	20/5/2018		Nguyễn Thị Ngọc Hương	272649470	1.000.000					272452772
23	Bùi Thị Thắm	120	Trương Khả Hân	19/5/2019		Trương Thanh Lộc	272447176	1.000.000					194612235
24	Vô Chí Hữu	62	Vô Chí Hào	30/11/2017		Phan Kim Phụng	272242694	1.000.000					271928729
25	Cầm Thị Hoa	25	Đỗ Hoàng Phương Anh	23/12/2019		Đỗ Phạm Hoài Nhân	271984276	1.000.000					276067544

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
26	Lê Thị Ánh Tuyết	41	Nguyễn Đăng Khoa		24/9/2018	Nguyễn Quang Trí	272128301		1.000.000				251166446
27	Trần Thị Kim Yến	79	Đỗ Trần Gia Bảo		23/10/2016	Đỗ Lê Thái Tùng	272243977		1.000.000				272212960
			Đỗ Trần Bảo Long		03/10/2018				1.000.000				
			Đỗ Trần Minh Nhật		12/7/2020				1.000.000				
28	Phan Thị Liên	88	Hồ Phan Quỳnh Như		11/10/2015	Hồ Sĩ Hòa	271943384		1.000.000				272402431
29	Nguyễn Thị Thủy	86	Lê Minh Trí		02/9/2019	Lê Thanh Tuấn	271916077		1.000.000				272328172
30	Nguyễn Minh Quốc	115	Nguyễn Ngọc Minh Vy		26/02/2018	Bùi Trúc	272290900		1.000.000				276124025
31	Trần Thị Quy	27	Trần Tâm Ý		03/02/2017	Trần Tắc Lây	271639045		1.000.000				276124858
32	Bùi Diễm My	111	Nguyễn Công Hào		21/11/2015	Nguyễn Hoàng Anh	271523745		1.000.000				272867159
33	Phạm Thị Hà Tiên	67	Mai Phạm Minh Quang		09/6/2018	Mai Xuân Vinh	271462720		1.000.000				272004011
34	Lý Thị Cẩm Thị	118	Vũ Lý Cẩm Tiên		01/6/2017	Vũ Thái Sơn	272526737		1.000.000				371968223
			Vũ Lý Cẩm Vy		17/4/2019				1.000.000				
35	Phạm Thị Nga	105	Phạm Hoàng Sang		11/10/2017	Phạm Văn Thắng	271432232		1.000.000				272658260
36	Trương Thị Ngọc Hạnh	59	Lý Gia Khiêm		31/7/2020	Lý Minh Giang	272068346		1.000.000				271852516
37	Đặng Thị Loan	112	Võ Đăng Anh Thư		27/10/2015	Võ Quang Trung	272412186		1.000.000				272904675
38	Hồ Thị Hoài	56	Hoàng Quốc Bảo		31/3/2019	Hoàng Văn Thu	272792471		1.000.000				271722240
39	Võ Quốc Bảo	71	Võ Ngọc Gia Hân		04/10/2015	Phan Thị Phương Thảo	272174173		1.000.000				272068311
			Võ Ngọc Gia Uy		17/11/2016				1.000.000				

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
40	Tăng Cẩm Phụng	97	Trương Gia Hân	05/5/2020	Trương Minh Tuấn	272243327	1.000.000						272482974
41	Mai Thành Đạt	83	Mai Khánh Ngân	09/3/2020	Trương Thị Giới	271930604	1.000.000						272304511
42	Chương Thị Ngọc Hà	44	Nguyễn Tuấn Khôi	06/3/2020	Nguyễn Thanh Sang	271504493	1.000.000						271270113
43	Nguyễn Thị Thu Thảo	75	Lâm Thanh Phú	06/4/2020	Lâm Thanh Phương	271931109	1.000.000						272149945
44	Trần Thị Mai Linh	8	Lê Duy	17/01/2019	Lê Thành Đạt	271722134	1.000.000						365833296
45	Huỳnh Thị Trọn	78	Nguyễn Huỳnh Anh Khôi	16/8/2017	Nguyễn Văn Hữu	271893434	1.000.000						272200353
46	Trần Thị Yến Phương	35	Trương Phúc Toàn	30/01/2017	Trương Hồng Khanh	271254673	1.000.000						271254711
47	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26	Bùi Nguyễn Quỳnh Như	03/4/2017	Bùi Thành Doan	221134875	1.000.000						271847259
48	Phan Thị Kim Phương	24	Trần Đức Duy	01/6/2019	Trần Văn Tuyển	271426215	1.000.000						271354865
49	Huỳnh Thị Kim Lệ	18	Võ Huỳnh Khôi Nguyễn	18/12/2015	Võ Quý Tài	271722310	1.000.000						271927603
50	Chương A Kiều	14	Chè Ngọc Lệ	24/5/2017	Chè Lý Và	271470178	1.000.000						271580708
51	Phan Thị Mỹ	109	Bùi Hoàng Long	03/5/2017	Bùi Thanh Ngọc	272068520	1.000.000						272792378
52	Ngô Thị Tú Loan	70	Lê Quỳnh Gia Như	13/5/2017	Lê Đình Thanh Thiện	272025290	1.000.000						272025290
53	Nguyễn Hoàng Thái Thanh	119	Nguyễn Vy Thanh Hân	29/8/2019	Nguyễn Minh Hiếu	271930405	1.000.000						79191001565
54	Trần Thị Huỳnh	123	Trần Thị Kiều Vy	19/10/2015	Trần Quang Hoa	12006297	1.000.000						272734067
55	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	94	Đoàn Tấn Phát	22/4/2020	Đoàn Minh Đạt	272403462	1.000.000						272482355
56	Vòng Ngọc Yến	108	Nguyễn Thành Đạt	06/11/2016	Nguyễn Văn Thức	272525862	1.000.000						272743814



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
57	Phan Thị Hằng	2	Trần Phan Nhật Nam		08/8/2018	Trần Văn Tâm		27/12/2018	1.000.000				272743814
	Cộng: 64 trẻ em								64.000.000				
									330.410.000				

TỔNG CỘNG

Tổng số tiền hỗ trợ: 330.410.000 đồng
(Ba trăm ba mươi triệu, bốn trăm mười ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH PALLET GỖ MAI HOA

(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Nguyễn Đức Thọ	Nhân viên văn phòng	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7523639034	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272327790
2	Trần Hoàn	Nhân viên văn phòng	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7526744436	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271951932
3	Nguyễn Luân	Nhân viên văn phòng	Không xác định thời hạn	01/08/2019	7523409350	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Luân	0121000733718	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai - PGD Tân Hòa	271913494
4	Trần Thị Thu Thảo	Nhân viên văn phòng	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7523952205	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thu Thảo	1020500178	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai - PGD chợ Sắt	272598283
5	Cao Thị Thanh Huyền	Quản lý xưởng	Không xác định thời hạn	01/03/2021	7909436178	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Cao Thị Thanh Huyền	0121002268460	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai - PGD chợ Sắt	271745679
6	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nhân viên văn phòng	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7513154732	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	19032988002011	Techcombank Chi nhánh Đồng Nai	271885991
Cộng: 06 người lao động									22.260.000				
II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi													

TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Cao Thị Thanh Huyền	5	Nguyễn Hoàng Thùy An	01/01/2019	Nguyễn Kha	271913423	1.000.000	Cao Thị Thanh Huyền	0121002268460	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai - PGD chợ Sắt	271745679
2	Trần Thị Thu Thảo	4	Nguyễn Ngọc Ánh	29/12/2019	Nguyễn Đức Thọ	272327790	1.000.000	Trần Thị Thu Thảo	1020500178	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai - PGD chợ Sắt	272598283
3	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	6	Nguyễn Ngọc Đan Thư	24/11/2020	Nguyễn Luân	271913494	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	19032988002011	Techcombank Chi nhánh Đồng Nai	271885991
			Nguyễn Ngọc Diễm My	11/6/2016			1.000.000				
	Cộng: 04 trẻ em						4.000.000				
	TỔNG CỘNG						26.260.000				

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

Tổng số tiền hỗ trợ: 26.260.000 đồng
(Hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH MTV SX TM CƠ KHÍ ĐẠI TOÀN THỊNH

(Đính kèm theo Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Cao Văn Chon	Lao động phổ thông	Không xác định thời hạn	01/11/2019	9221990474	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				09208600572 2
2	Lê Thanh Y	Lao động phổ thông	Không xác định thời hạn	01/03/2018	9123850238	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				371305754
3	Lê Văn Minh	Lao động phổ thông	Không xác định thời hạn	01/09/2013	7513039793	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				352250351
4	Bùi Văn Dương	Lao động phổ thông	Không xác định thời hạn	01/09/2013	7512076142	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				173923235
5	Nguyễn Thị Khén	Lao động phổ thông	Không xác định thời hạn	01/09/2013	7508194258	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				380897051
6	Quách Văn Hải	Lao động phổ thông	Không xác định thời hạn	01/09/2013	4708002319	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				385804267



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC

KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH NAM THÁI NGUYỄN

(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Nguyễn Văn Thi	Xưởng cơ khí	Không xác định thời hạn	01/01/2015	7510181811	20/08/2021	20/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thi	0481000673977	Vietcombank CN Biên Hòa	272539483
2	Đông Văn Oai	Xưởng cơ khí	Không xác định thời hạn	01/01/2015	7513158370	20/08/2021	20/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đông Văn Oai	0481000714493	Vietcombank CN Biên Hòa	091594760
3	Nguyễn Văn Diện	Xưởng cơ khí	Không xác định thời hạn	02/01/2017	7515114583	20/08/2021	20/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Diện	0481000760769	Vietcombank CN Biên Hòa	186570604
4	Phạm Văn Tuấn	Xưởng cơ khí	Không xác định thời hạn	02/01/2019	7515105215	20/08/2021	20/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Tuấn	0481000895286	Vietcombank CN Biên Hòa	172702703
5	Nguyễn Văn Minh	Xưởng cơ khí	Không xác định thời hạn	01/03/2018	7515101900	20/08/2021	20/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Minh	0481000717932	Vietcombank CN Biên Hòa	186570918
6	Lâm Văn Tuyên	Xưởng cơ khí	Không xác định thời hạn	01/01/2015	7512179177	20/08/2021	20/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lâm Văn Tuyên	0481000684398	Vietcombank CN Biên Hòa	271908908
Tổng: 06 người lao động									22.260.000				
II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi													

TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Văn Thi	1	Nguyễn Tuệ An Nguyễn Tuệ Hân	01/09/2020 07/05/2019	Trần Thị Thanh Thủy	183187991	1.000.000 1.000.000	Nguyễn Văn Thi	0481000673977	Vietcombank CN Biên Hòa	272539483
2	Đồng Văn Oai	2	Đồng Tuệ Minh	23/06/2021	Lý Thị Thùy	091877299	1.000.000	Đồng Văn Oai	0481000714493	Vietcombank CN Biên Hòa	091594760
3	Nguyễn Văn Diện	3	Nguyễn Xuân Đức Nguyễn Xuân Trí	04/05/2016 13/03/2020	Nguyễn Thị Hiền	186949472	1.000.000 1.000.000	Nguyễn Văn Diện	0481000760769	Vietcombank CN Biên Hòa	186570604
Cộng: 05 trẻ em							5.000.000				
TỔNG CỘNG							27.260.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 27.260.000 đồng
(Hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH AN ĐỒNG VINA
(Đính kèm theo Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Lê Thị Hồng Hạnh	Văn phòng	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	9104133574	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Hồng Hạnh	180114849254472	Eximbank CN Đồng Nai	271565769
2	Nguyễn Chí Thành	Văn phòng	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	7523794752	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Chí Thành	67010001182093	BIDV - PGD THẠNH PHÚ	271003739
3	Bùi Quốc Khánh	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	8023190477	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Quốc Khánh	67010001182154	BIDV - PGD THẠNH PHÚ	301135274
4	Trần Minh Thiện	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	9622997417	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Minh Thiện	67010001182084	BIDV - PGD THẠNH PHÚ	381814694
5	Kim Thanh	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	8421689695	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000	Kim Thanh	67010001327539	BIDV - CN ĐỒNG NAI	381597177
6	Trương Anh Hùng	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	9621522184	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000				271565769
7	Trương Hiệp Đăng	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	9623087029	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000				271565769
8	Huỳnh Khoa	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	5220072627	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000				271565769
9	Kim Danh	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	8421617920	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000				211061616
10	Lê Tấn Cường	Công nhân sản xuất	Thời hạn 1 năm	02/01/2021	9614003615	11/07/2021	11/07/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Tấn Cường	102001485187	VIETINBANK - CN CÀ MAU	381818439
Tổng: 10 người lao động									37.100.000				

II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi											
TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Lê Thị Hồng Hạnh	1	Bùi Minh Quân	29/04/2016	Bùi Thanh Vũ	272584794	1.000.000	Lê Thị Hồng Hạnh	180114849254472	Eximbank CN Đồng Nai	271565769
2	Bùi Quốc Khánh	3	Bùi Khánh An Nhiên	25/08/2017	Lương Thị Sen	301135274	1.000.000	Bùi Quốc Khánh	67010001182154	BIDV - PGD THANH PHÚ	301135274
3	Trần Minh Thiện	4	Trần Hữu Nhân	19/06/2019	Võ Thị Hồng Việt	381814694	1.000.000	Trần Minh Thiện	67010001182084	BIDV - PGD THANH PHÚ	381814694
4	Kim Thanh	5	Kim MòNi Rót	12/06/2020	Thạch Thị Thanh Phương	334833579	1.000.000	Kim Thanh	67010001327539	BIDV - CN ĐỒNG NAI	381597177
5	Trương Anh Hường	6	Trương Bảo Ngọc	06/9/2019	Dương Thị Thùy Trang	341402898	1.000.000	Trương Anh Hường	180114849254472	Eximbank CN Đồng Nai	271565769
	Cộng: 05 trẻ em						5.000.000				
						TỔNG CỘNG			42.100.000		

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

Tổng số tiền hỗ trợ: 42.100.000 đồng
(Bốn mươi hai triệu, một trăm ngàn đồng chẵn)

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC

KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VẠN TÀI PHI LONG

(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT		Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ		Số CMND/thẻ căn cước công dân	
								Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương														
1		Trương Thị Hà	Nhân sự	Không xác định thời hạn	01/10/2017	3420688717	01/09/2021	01/09/2021	05/10/2021	3.710.000	Trương Thị Hà	0104005883396	Ngân hàng Công Thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai	272940895
Cộng: 01 người lao động										3.710.000				
III. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi														
TT		Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMND/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân		
1		Trương Thị Hà	1	Nguyễn Trúc Linh	27/06/2018	Nguyễn Văn Thanh	272940895	1.000.000	Trương Thị Hà	104005883396	Ngân hàng Công Thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai	272940895		

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
1	Trương Thị Hà	1	Nguyễn Gia Hân	06/9/2020	Nguyễn Văn Thanh	272940895	1.000.000	Trương Thị Hà	104005883396	Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	272940895		
	Cộng: 02 trẻ em						2.000.000						
	TỔNG CỘNG						5.710.000						

TỔNG CỘNG

Tổng số tiền hỗ trợ: 5.710.000 đồng
(Năm triệu, bảy trăm mười ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ VÀ DỊCH VỤ LÝ HIẾU NGHĨA

(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Đặng Thị Hải Lý	Thủ quỹ	Không xác định thời hạn	01/01/2013	7510183512	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Hải Lý	0114109010709999	OCB - CN Đồng Nai	272358441
2	Bùi Thị Tú	Kế toán	Không xác định thời hạn	01/06/2013	4706103809	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Tú	0114100001784007	OCB - CN Đồng Nai	272486832
3	Nguyễn Duy Phương	Kỹ sư	Không xác định thời hạn	01/06/2014	7513032993	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Duy Phương	105872590316	Vietinbank- CN KCN Biên Hòa	264315979
4	Lê Thị Thúy Ngân	Nhân viên kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/09/2014	7514158797	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thúy Ngân	109005699124	Vietinbank- CN KCN Biên Hòa	272372589
5	Lê Trọng Nghĩa	Vật tư	Không xác định thời hạn	01/01/2019	7523921968	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272563103
6	Lê Văn Thảo	Tổ sản xuất gia công cơ khí	Không xác định thời hạn	01/01/2010	7510183518	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272139233
7	Nguyễn Văn Sơn	Tổ sản xuất gia công cơ khí	Không xác định thời hạn	01/01/2010	7510183517	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				182140764
8	Đặng Quang Tuấn	Tổ sản xuất gia công cơ khí	Không xác định thời hạn	01/01/2010	7510183515	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				182140764
9	Lê Xuân Thắng	Tổ sản xuất gia công cơ khí	Không xác định thời hạn	01/05/2019	7512175227	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				186242583
Cộng: 09 người lao động									33.390.000				

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT TMDV HOÀNG TUYẾN

(Đính kèm theo Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoàn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Phạm Thị Thạch Anh	Kế toán	HD có thời hạn	01/01/2021	7515112911	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Thạch Anh	0481000666106	Vietcombank	272031793
2	Phan Ngọc Chương	Lái xe	HD có thời hạn	01/01/2021	0205041205	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phan Ngọc Chương	67210001143553	BIDV	271908736
3	Phan Văn Hoàng	Sản xuất	HD có thời hạn	01/01/2021	7515105257	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phan Văn Hoàng	0481000723800	Vietcombank	183815662
4	Phan Văn Kiều	Sản xuất	HD có thời hạn	01/01/2021	7514156213	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phan Văn Kiều	1019377405	Vietcombank	272488608
5	Phí Thành Trung	Sản xuất	HD có thời hạn	01/01/2021	7511177469	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272378896
Tổng cộng: 05 người lao động									18.550.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 18.550.000 đồng
(Mười tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TMDV TÚ CƯỜNG

(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Bùi Thanh Tú	Văn Phòng	Xác định thời gian	01/06/2019	7526963317	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Bùi Thanh Tú	106828010175	Vietin Bank	272298325
Tổng: 01 người lao động									3.710.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 3.710.000 đồng
(Ba triệu bảy trăm mười ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC

KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH GI WANG VIỆT NAM

(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Đỗ Thị Thanh Trúc	XNK	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4705088011	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				221009896
2	Lê Thị Huệ	KH	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4705088003	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				172843616
3	Liêu Mỹ Long	GH	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4705088012	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				22532902
4	Phan Thị Thu Phương	KT	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4705088021	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				285285067
5	Ứng Thục Nghi	TQ	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706035279	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				79173004256

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
6	Nguyễn Thị Lựu	TV	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4705088018	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272351572
7	Nguyễn Việt Quan	CN	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706091673	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381238481
8	Huỳnh Ngọc Đàm	CN	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706035280	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				240762901
9	Đặng Thị Thùy	TK	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7508071025	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				172637753
10	Phạm Văn Phán	CN	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7508166962	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365440770
11	Nguyễn Thanh Trí	CN	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7511177197	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				385040976
12	Võ Văn Tuấn	CN	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510109121	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365565134
13	Trần Văn Thảo	CN	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7511179611	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371067349
14	Lê Thị Mai	TK	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7512044303	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				197218967



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
15	Vây Lục Múi	TV	Không xác định thời hạn	01/01/2018	7526468667	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271130205
Cộng: 15 người lao động									55.650.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 55.650.000 đồng
(Năm mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ TÂM**

(Đính kèm theo Quyết định số **4022** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Hà Thị Bảo Trân	Văn phòng	Không thời hạn	01/01/2014	4700010652	16/07/2021	16/07/2021	20/09/2021	3.710.000	Hà Thị Bảo Trân	67010000010474	Ngân Hàng BIDV	272139785
2	Chóc Dầu Hà	Văn phòng	Không thời hạn	01/03/2013	7513153310	12/07/2021	12/07/2021	20/09/2021	3.710.000	Chóc Dầu Hà	0121000888494	Ngân hàng VCB	272243659
3	Trịnh Xuân Tân	Văn phòng	Không thời hạn	01/04/2016	7516093922	12/07/2021	12/07/2021	20/09/2021	3.710.000	Trịnh Xuân Tân	19131398758011	Ngân hàng Techcombank	272409038
4	Nguyễn Thị Yến Nhi	Văn phòng	Không thời hạn	01/07/2017	7515071209	16/07/2021	16/07/2021	20/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Yến Nhi	058128031997	Ngân hàng Sacombank	272698661
5	Trần Công Tấn	Văn phòng	Không thời hạn	01/08/2012	7512176402	16/07/2021	16/07/2021	20/09/2021	3.710.000	Trần Công Tấn	105866997536	Ngân hàng Viettin bank	360970613
6	Phạm Nguyễn Đông Hồ	Văn phòng	Không thời hạn	01/01/2021	7523254185	16/07/2021	16/07/2021	20/09/2021	3.710.000	Phạm Nguyễn Đông Hồ	013770190	Ngân hàng Quốc Tế VIB	272386171
7	Đặng Trung Kiên	Văn phòng	Không thời hạn	03/05/2021	7510003217	01/08/2021	01/08/2021	20/09/2021	3.710.000	Đặng Trung Kiên	0121000881076	Ngân hàng VCB	271914898
Cộng: 07 người lao động									25.970.000				

III. Hồ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi											
TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Hà Thị Bảo Trân	1	Trần Bảo Đan Uyên	05/9/2015	Trần Kim Hòa	272139784	1.000.000	Hà Thị Bảo Trân	67010000010474	Ngân Hàng BIDV	272139785
2	Đặng Trung Kiên	9	Đặng Lưu Phú Hưng	24/06/2016	Lưu Lệ Châu	272037114	1.000.000	Đặng Trung Kiên	0121000881076	Ngân hàng VCB	271914898
	Cộng: 02 trẻ em						2.000.000				
						TỔNG CỘNG					
							27.970.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 27.970.000 đồng
(Hai mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TRANG KIM NGÂN

(Đính kèm theo Quyết định số 4022 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Nguyễn Đình Lượng	Quản Lý	Thời hạn 3 năm	25/06/2020	0112204327	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				00109101112
2	Phạm Thị Thu Uyên	Nhân Viên	Thời hạn 1 năm	20/11/2020	7525919931	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Thu Uyên	0888896918888	MB Bank	174515574
3	Nguyễn Thành Nhân	Nhân Viên	Thời hạn 1 năm	01/05/2021	8422457941	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thành Nhân	0741000670995	Vietcombank	334641970
4	Lê Khắc Ngọc	Nhân Viên	Thời hạn 1 năm	23/03/2021	6605069200	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Khắc Ngọc	0000014816977	ACB	038081011492
5	Mai Thị Thanh	Kế Toán	Thời hạn 1 năm	26/08/2020	7415170893	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Mai Thị Thanh	19036132487011	Techcombank	034191011350
6	Cao Ngọc Cường	Nhân Viên Kho	Thời hạn 1 năm	26/08/2020	7415170891	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000				038089024145
Cộng: 06 người lao động									22.260.000				
II. Hỗ trợ người lao động đang mang thai													

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân				
				Tên TK	Số TK	Ngân hàng					
1	Phạm Thị Thu Uyên	2	1.000.000	Phạm Thị Thu Uyên	0888896918888	MB Bank	174515574				
	Cộng: 01 người lao động										
III. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi											
TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Mai Thị Thanh	5	24/12/2016	Cao Thị Thanh Tuyền	Cao Ngọc Cường	38089024145	1.000.000	Mai Thị Thanh	19036132487011	Techcombank	034191011350
	Cộng: 01 trẻ em						1.000.000				
	TỔNG CỘNG						24.260.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 24.260.000 đồng
(Hai mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng